PHOENIX, ZA
CHANNEL 2

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status
*	0	MEX-ANALOG-ALLOTMENT	SAN FELIPE	NTSC	RSV	0	D/M	N/C
*	0	MEX-ANALOG-ALLOTMENT	NOGALES	NTSC	RSV	0	D/M	Short
K02ES	33765	BLTTV5081	SILVER CITY, ETC.	A	LIC	0.104	C/M	Clear
KNAZ-TV	24749	BLCT19811006KM	FLAGSTAFF	NTSC	LIC	100	D/M	Interf
KTVK	40993	BLCT19861103KH	PHOENIX	NTSC	LIC	100	D/M	Interf
KVBC*	69677	DTV ALLOTMENT	LAS VEGAS	DTV	LIC	11.2	D/M	N/C
KVBC-DT	69677	BDSTA20021022ABM	LAS VEGAS	D-STA	LIC	10	D/M	N/C
KVBC-DT	69677	BMPCDT20050701ACX	LAS VEGAS	DTV	APP	27.7	D/M	N/C
KVBC-DT	69677	BLCDT20040305ACJ	LAS VEGAS	DTV	LIC	27.7	D/M	N/C
XEFA	98368		NOGALES	NTSC	LIC	0.874	D/M	Interf

Bearing	Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu
224.4	370.3	273	-97.3	45	0	6	0	VLO	2	Co	LR	F(50,50)	47
154.85	261.5	273	-11.5	45	0	6	0	VLO	2	Co	LR	F(50,50)	47
99.27	366.4	-	145.6	45	0	6	0	VLO	2	Co	LR	F(50,50)	62
17.85	179.1	273	-93.9	45	0	6	2	VLO	2 Z	Co	LR	F(50,50)	47
158.61	12.2	96	-83.8	-3	0	6	2	VLO	3 +	A+1	LR	F(50,50)	47
318.05	389.5	245	144.5	2	4	10	2	VLO	2	Co	LR	F(50,90)	28
318.06	389.5	245	144.5	2	4	10	0	VLO	2	Co	LR	F(50,90)	28
318.05	389.6	245	144.6	2	4	10	2	VLO	2	Co	LR	F(50,90)	28
318.05	389.5	245	144.5	2	4	10	2	VLO	2	Co	LR	F(50,90)	28
155.51	257.6	273	-15.4	45	0	6	2	VLO	2 +	Co	LR	F(50,50)	47

Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	85.90%	92.00%	189384	26717	15243	174141	91.95
-	-	97.60%	97.60%	2235099	54176	54176	2180923	97.58
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	87.00%	92.40%	29461	3819	2252	27209	92.36

PHOENIX AZ
CHANNEL 3

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing
*	0	MEX-ANALOG-ALLOTMENT	MEXICALI	NTSC	RSV	0	D/M	N/C	254.72
KBGF	81441	BLCT20010417AAO	DOUGLAS	NTSC	LIC	100	D/M	N/C	132.79
KFTU-TV	81441	BPCT20040803ABT	DOUGLAS	NTSC	APP	100	D/M	N/C	133.37
KNAZ-TV	24749	BLCT19811006KM	FLAGSTAFF	NTSC	LIC	100	D/M	N/C	17.85
KTFL	74149	BLCT20001220ACN	FLAGSTAFF	NTSC	LIC	63	D/M	N/C	17.85
KTVK	40993	BLCT19861103KH	PHOENIX	NTSC	LIC	100	D/M	Interf	158.61
KVBC	69677	BLCT20030506ABA	LAS VEGAS	NTSC	LIC	100	D/M	N/C	318.05
KVOA	25735	BLCT20030306AAQ	TUCSON	NTSC	LIC	35	D/M	N/C	130.65
XHBC	98433		MEXICALI	NTSC	LIC	83.8	D/M	N/C	254.28

Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu
328.5	273	55.5	45	0	6	0	VLO	3	Co	LR	F(50,50)	47
334	273	61	45	0	6	2	VLO	3 Z	Co	LR	F(50,50)	47
319.5	273	46.5	45	0	6	2	VLO	3 Z	Co	LR	F(50,50)	47
179.1	96	83.1	-13	0	6	2	VLO	2 Z	A-1	LR	F(50,50)	47
179.1	96	83.1	-3	0	6	0	VLO	4 +	A+1	LR	F(50,50)	47
12.2	273	-260.8	45	0	6	2	VLO	3 +	Co	LR	F(50,50)	47
389.6	273	116.6	45	0	6	2	VLO	3 Z	Co	LR	F(50,50)	47
172.8	96	76.8	-3	0	6	2	VLO	4 -	A+1	LR	F(50,50)	47
331.6	273	58.6	45	0	6	2	VLO	3 Z	Co	LR	F(50,50)	47

Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	-	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	174141	91.95
-	-	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~
-	-	97.60%	99.80%	2235099	54176	5131	2229968	99.77
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~	~~N/C~~

PHOENIX AZ
CHANNEL 4

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing	Dist
KTFL	74149	BLCT20001220ACN	FLAGSTAFF	NTSC	LIC	63	D/M	Interf	17.85	179.1
KTVK	40993	BLCT19861103KH	PHOENIX	NTSC	LIC	100	D/M	Interf	158.61	12.2
KVER-LP	69753	BLTVL19900820IO	INDIO	A	LIC	0.349	C/M	Clear	277.23	383
KVOA	25735	BLCT20030306AAQ	TUCSON	NTSC	LIC	35	D/M	Interf	130.65	172.8

Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu	Int Contour
273	-93.9	45	0	6	0	VLO	4 +	Co	LR	F(50,50)	47	-
96	-83.8	-13	0	6	2	VLO	3 +	A-1	LR	F(50,50)	47	-
-	154.1	45	0	6	0	VLO	4 +	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)
273	-100.2	45	0	6	2	VLO	4 -	Co	LR	F(50,50)	47	-

Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	85.50%	91.60%	182418	26377	15269	167149	91.63
-	97.60%	97.60%	2235099	54176	54176	2180923	97.58
17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	41.90%	54.90%	827832	480983	372980	454852	54.94

PHOENIX AZ
CHANNEL 5

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP
*	0	MEX-ANALOG-ALLOTMENT	MEXICALI	NTSC	RSV	0
K05JY	51656	BLTVL19990811JB	INDIO	A	LIC	0.349
KPHO-TV	41223	BLCT1049	PHOENIX	NTSC	LIC	100
KUAT-TV	2731	BLET20030103AAW	TUCSON	NTSC	LIC	33.9
KVVU-TV	35870	BLCT19810622KF	HENDERSON	NTSC	LIC	100
KZZA-LP	29464	BLTVL19930914IG	FLAGSTAFF/DONEY PARK	A	LIC	0.114
XHAQ	98588		MEXICALI	NTSC	LIC	54.3

Sep Type	Status	Bearing	Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix
D/M	N/C	255.55	326.1	273	53.1	45	0	6	0	VLO	5	Co	LR
C/M	Clear	277.23	383	-	154.1	45	0	6	0	VLO	5 +	Co	LR
D/M	Interf	157.99	12.3	273	-260.7	45	0	6	2	VLO	5 -	Co	LR
D/M	N/C	130.67	172.8	96	76.8	-3	0	6	2	VLO	6 +	A+1	LR
D/M	N/C	318.03	389.5	273	116.5	45	0	6	2	VLO	5 +	Co	LR
C/M	Clear	13.09	206.1	-	163.3	-6	0	6	0	VLO	6 Z	A+1	LR
D/M	N/C	254.11	333.2	273	60.2	45	0	6	2	VLO	5 +	Co	LR

Svc Contour	Svc dBu	Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop
F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
F(50,50)	47	-	-	44.10%	98.70%	2233405	1249193	29303	2204102
F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
F(50,50)	62	F(50,10)	68	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C

Ovl Pop%
N/C
N/C
98.69
N/C
N/C
N/C
N/C

PHOENIX AZ
CHANNEL 6

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type
K06MB	51654	BMPTVA20040223AOA	INDIO	A	APP	3	C/M
K06MB	51654	BLTVA20050315AGG	INDIO	A	LIC	3	C/M
KMOH-TV	24753	BLCT20020627AAL	KINGMAN	NTSC	LIC	100	D/M
KOBG-TV	85114	BLCT20030226ABU	SILVER CITY	NTSC	LIC	6	D/M
KPHO-TV	41223	BLCT1049	PHOENIX	NTSC	LIC	100	D/M
KUAT-TV	2731	BLET20030103AAW	TUCSON	NTSC	LIC	33.9	D/M
KZZA-LP	29464	BLTVL19930914IG	FLAGSTAFF/DONEY PARK	A	LIC	0.114	C/M

Status	Bearing	Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour
Clear	277.23	383.1	-	152.3	45	0	6	0	VLO	6 Z	Co	LR	F(50,50)
Clear	277.23	383.1	-	155.8	45	0	6	0	VLO	6 Z	Co	LR	F(50,50)
Interf	311.2	272.9	273	-0.1	45	0	6	2	VLO	6 -	Co	LR	F(50,50)
N/C	98.96	365.8	273	92.8	45	0	6	2	VLO	6 Z	Co	LR	F(50,50)
Interf	157.99	12.3	96	-83.7	-13	0	6	2	VLO	5 -	A-1	LR	F(50,50)
Interf	130.67	172.8	273	-100.2	45	0	6	2	VLO	6 +	Co	LR	F(50,50)
Interf	13.09	206.1	-	-33.6	45	0	6	0	VLO	6 Z	Co	LR	F(50,50)

Svc dBu	Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
47	-	-	69.40%	75.90%	105102	32162	25371	79731	75.86
47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
47	-	-	44.10%	44.10%	2233405	1249193	1248488	984917	44.1
47	-	-	61.70%	74.10%	809720	310063	209843	599877	74.08
62	F(50,10)	17	84.70%	89.40%	51738	7928	5472	46266	89.42

PHOENIX AZ
CHANNEL 7

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing
*	0	MEX-ANALOG-ALLOTMENT	NOGALES	NTSC	RSV	100	D/M	Interf	154.77
KAET	2728	BLET19840718KF	PHOENIX	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	159.11
KLAS-DT	35042	BLCDT20041202ACC	LAS VEGAS	DTV	LIC	30.1	D/M	N/C	316.98
KLAS-TV*	35042	DTV ALLOTMENT	LAS VEGAS	DTV	LIC	26.4	D/M	N/C	316.98
KUSK	35811	BLCT19820910KF	PRESCOTT	NTSC	LIC	8.71	D/M	Interf	359.76
KVYE	36170	BLCT20020618ABH	EL CENTRO	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	261.12

Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu
258.1	273	-14.9	45	0	6	0	VHI	7	Co	LR	F(50,50)	56
12.2	96	-83.8	-3	0	6	2	VHI	8 +	A+1	LR	F(50,50)	56
386.8	245	141.8	2	6	12	2	VHI	7	Co	LR	F(50,90)	36
386.8	245	141.8	2	6	12	2	VHI	7	Co	LR	F(50,90)	36
139.1	273	-133.9	45	0	6	2	VHI	7 Z	Co	LR	F(50,50)	56
256.2	273	-16.8	45	0	6	2	VHI	7 +	Co	LR	F(50,50)	56

Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	-	63.00%	69.50%	46074	17044	14053	32021	69.5
-	-	84.50%	84.60%	2221864	344042	343101	1878763	84.56
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	71.50%	86.10%	117361	33494	16310	101051	86.1
-	-	99.60%	99.90%	228556	996	204	228352	99.91

PHOENIX AZ
CHANNEL 8

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status
*	0	MEX-ANALOG-ALLOTMENT	CABORCA	NTSC	RSV	0	D/M	N/C
KAET	2728	BLET19840718KF	PHOENIX	NTSC	LIC	316	D/M	Interf
KCFG	35104	BLCT20001220ACM	FLAGSTAFF	NTSC	LIC	1	D/M	N/C
KCFG	35104	BPCT20010706AAQ	FLAGSTAFF	NTSC	CP	316	D/M	N/C
KGUN	36918	BLCT2348	TUCSON	NTSC	LIC	110	D/M	N/C
KGUN	36918	BPCT20050413ABP	TUCSON	NTSC	CP	110	D/M	N/C
KLAS-TV	35042	BMLCT20041104AFX	LAS VEGAS	NTSC	LIC	316	D/M	N/C
KOBG-TV	136140	BPRM20010807ACH	SILVER CITY	NTSC	APP	14	D/M	N/C
KUSK	35811	BLCT19820910KF	PRESCOTT	NTSC	LIC	8.71	D/M	N/C
NEW	137227	BPFS	SAN FELIPE	DTV	APP	1000	D/M	N/C

Bearing	Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu
180.79	301.2	273	28.2	45	0	6	0	VHI	8	Co	LR	F(50,50)	56
159.11	12.2	273	-260.8	45	0	6	2	VHI	8 +	Co	LR	F(50,50)	56
13.09	206.1	96	110.1	-3	0	6	2	VHI	9 Z	A+1	LR	F(50,50)	56
17.85	179.1	96	83.1	-3	0	6	2	VHI	9 Z	A+1	LR	F(50,50)	56
130.73	172.7	96	76.7	-3	0	6	2	VHI	9 -	A+1	LR	F(50,50)	56
130.73	172.7	96	76.7	-3	0	6	2	VHI	9 -	A+1	LR	F(50,50)	56
316.98	386.8	273	113.8	45	0	6	2	VHI	8 -	Co	LR	F(50,50)	56
98.96	365.8	273	92.8	45	0	6	2	VHI	8	Co	LR	F(50,50)	56
359.76	139.1	96	-43.1	-13	0	6	2	VHI	7 Z	A-1	LR	F(50,50)	56
224.43	371.6	245	126.6	2	6	12	2	VHI	8	Co	LR	F(50,90)	36

Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	84.50%	99.50%	2221864	344042	10601	2211263	99.52
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	101051	86.1
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C

PHOENIX AZ
CHANNEL 9

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing
KAET	2728	BLET19840718KF	PHOENIX	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	159.11
KCFG	35104	BLCT20001220ACM	FLAGSTAFF	NTSC	LIC	1	D/M	Interf	13.09
KCFG	35104	BPCT20010706AAQ	FLAGSTAFF	NTSC	CP	316	D/M	Interf	17.85
KECY-TV	51208	BLCT20050223AAA	EL CENTRO	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	261.24
KGUN	36918	BPCT20050413ABP	TUCSON	NTSC	CP	110	D/M	Interf	130.73
KGUN	36918	BLCT2348	TUCSON	NTSC	LIC	110	D/M	Interf	130.73
KSAZ-TV	35587	BXPCT20040330AQZ	PHOENIX	AUX	CP	105	D/M	Interf	157.16
KSAZ-TV	35587	BLCT19881021KF	PHOENIX	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	158.28
KUSG*	35822	DTV ALLOTMENT	ST. GEORGE	DTV	LIC	3.2	D/M	Interf	342.2
KUSG-DT	35822	BLCDT20021031ABG	ST. GEORGE	DTV	LIC	3.2	D/M	Interf	342.19
KVVU-DT	35870	BLCDT20021120ABN	HENDERSON	DTV	LIC	86	D/M	Interf	318.03
KVVU-TV	124940	BPRM20000720AAB	HENDERSON	DIG RULE	LIC	85.6	D/M	Interf	318.03

Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu
12.2	96	-83.8	-13	0	6	2	VHI	8 +	A-1	LR	F(50,50)	56
206.1	273	-66.9	45	0	6	2	VHI	9 Z	Co	LR	F(50,50)	56
179.1	273	-93.9	45	0	6	2	VHI	9 Z	Co	LR	F(50,50)	56
256.3	273	-16.7	45	0	6	2	VHI	9 +	Co	LR	F(50,50)	56
172.7	273	-100.3	45	0	6	2	VHI	9 -	Co	LR	F(50,50)	56
172.7	273	-100.3	45	0	6	2	VHI	9 -	Co	LR	F(50,50)	56
12.4	96	-83.6	-3	0	6	2	VHI	10 -	A+1	LR	F(50,50)	56
12.2	96	-83.8	-3	0	6	2	VHI	10 -	A+1	LR	F(50,50)	56
424.6	245	179.6	2	6	12	2	VHI	9	Co	LR	F(50,90)	36
424.6	245	179.6	2	6	12	2	VHI	9	Co	LR	F(50,90)	36
389.5	245	144.5	2	6	12	2	VHI	9	Co	LR	F(50,90)	36
389.6	245	144.6	2	6	12	0	VHI	9	Co	LR	F(50,90)	36

Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	-	84.50%	84.60%	2221864	344042	343101	1878763	84.56
-	-	74.70%	83.40%	65217	16525	10850	54367	83.36
-	-	79.30%	88.10%	135383	28081	16157	119226	88.07
-	-	99.60%	99.90%	227275	877	246	227029	99.89
-	-	90.80%	92.30%	660255	61070	50638	609617	92.33
-	-	90.50%	92.10%	665365	63476	52409	612956	92.12
-	-	87.10%	87.40%	2202723	284169	278354	1924369	87.36
-	-	86.90%	86.90%	2222887	292174	291220	1931667	86.9
-	-	75.50%	87.10%	44935	11011	5777	39158	87.14
-	-	76.80%	88.40%	45106	10451	5224	39882	88.42
-	-	97.50%	99.10%	739551	18799	6638	732913	99.1
-	-	97.60%	99.30%	742651	17519	5325	737326	99.28

PHOENIX AZ
CHANNEL 10

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing	Dist
KCFG	35104	BLCT20001220ACM	FLAGSTAFF	NTSC	LIC	1	D/M	N/C	13.09	206.1
KCFG	35104	BPCT20010706AAQ	FLAGSTAFF	NTSC	CP	316	D/M	N/C	17.85	179.1
KGUN	36918	BLCT2348	TUCSON	NTSC	LIC	110	D/M	N/C	130.73	172.7
KGUN	36918	BPCT20050413ABP	TUCSON	NTSC	CP	110	D/M	N/C	130.73	172.7
KLVX	11683	BLET211	LAS VEGAS	NTSC	LIC	295	D/M	N/C	318.03	389.5
KOVT	53911	BLCT19870916KH	SILVER CITY	NTSC	LIC	8.71	D/M	N/C	98.97	365.8
KPHZ-DT	81458	BPCDT20020306AAT	HOLBROOK	DTV	CP	160	D/M	N/C	42.26	143.8
KSAZ-TV	35587	BXPCT20040330AQZ	PHOENIX	AUX	CP	105	D/M	Short	157.16	12.4
KSAZ-TV	35587	BLCT19881021KF	PHOENIX	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	158.28	12.2

Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu	Int Contour
96	110.1	-13	0	6	2	VHI	9 Z	A-1	LR	F(50,50)	56	-
96	83.1	-13	0	6	2	VHI	9 Z	A-1	LR	F(50,50)	56	-
96	76.7	-13	0	6	2	VHI	9 -	A-1	LR	F(50,50)	56	-
96	76.7	-13	0	6	2	VHI	9 -	A-1	LR	F(50,50)	56	-
273	116.5	45	0	6	2	VHI	10 +	Co	LR	F(50,50)	56	-
273	92.8	45	0	6	2	VHI	10 +	Co	LR	F(50,50)	56	-
125	18.8	-48	6	12	2	VHI	11	A+1	LR	F(50,90)	36	-
273	-260.6	45	0	6	2	VHI	10 -	Co	LR	F(50,50)	56	-
273	-260.8	45	0	6	2	VHI	10 -	Co	LR	F(50,50)	56	-

Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	86.90%	99.40%	2222887	292174	12437	2210450	99.44

PHOENIX AZ
CHANNEL 11

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing	Dist
KLVX*	11683	DTV ALLOTMENT	LAS VEGAS	DTV	LIC	19.3	D/M	N/C	318.03	389.5
KLVX-DT	11683	BLEDT20020329ADR	LAS VEGAS	DTV	LIC	105	D/M	N/C	318.03	389.5
KMSB-TV	44052	BMLCT19900423KG	TUCSON	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	149.66	222.3
KPHZ	81458	BLCT20010122AOC	HOLBROOK	NTSC	LIC	1.6	D/M	Interf	47.17	244.9
KPHZ-DT	81458	BPCDT20020306AAT	HOLBROOK	DTV	CP	160	D/M	Interf	42.26	143.8
KPNX	35486	BLCT20000711ABX	MESA	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	159	12.2
KSAZ-TV	35587	BXPCT20040330AQZ	PHOENIX	AUX	CP	105	D/M	Short	157.16	12.4
KSAZ-TV	35587	BLCT19881021KF	PHOENIX	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	158.28	12.2
KYMA	74449	BLCT19880304KF	YUMA	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	261.17	256.2

Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu	Int Contour
245	144.5	2	6	12	2	VHI	11	Co	LR	F(50,90)	36	-
245	144.5	2	6	12	2	VHI	11	Co	LR	F(50,90)	36	-
273	-50.7	45	0	6	2	VHI	11 Z	Co	LR	F(50,50)	56	-
273	-28.1	45	0	6	2	VHI	11 +	Co	LR	F(50,50)	56	-
245	-101.2	2	6	12	2	VHI	11	Co	LR	F(50,90)	36	-
96	-83.8	-3	0	6	2	VHI	12 -	A+1	LR	F(50,50)	56	-
96	-83.6	-13	0	6	2	VHI	10 -	A-1	LR	F(50,50)	56	-
96	-83.8	-13	0	6	2	VHI	10 -	A-1	LR	F(50,50)	56	-
273	-16.8	45	0	6	2	VHI	11 -	Co	LR	F(50,50)	56	-

Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	62.70%	70.20%	677164	252897	202042	475122	70.16
-	90.20%	90.20%	6099	600	600	5499	90.16
-	54.40%	56.20%	1087844	496474	476684	611160	56.18
-	84.60%	84.60%	2221913	343163	341918	1879995	84.61
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	86.90%	86.90%	2222887	292174	291220	1931667	86.9
-	99.60%	100.00%	231699	921	108	231591	99.95

PHOENIX AZ
CHANNEL 12

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing
KBPX	41517	BLCT19920109KG	FLAGSTAFF	NTSC	LIC	316	D/M	N/C	17.85
KOLD-TV	48663	BLCT19910423KE	TUCSON	NTSC	LIC	302	D/M	N/C	144.59
KOVT*	53911	DTV ALLOTMENT	SILVER CITY	DTV	LIC	3.2	D/M	N/C	98.97
KOVT-DT	53911	BPCDT19991101AEO	SILER CITY	DTV	CP	62	D/M	N/C	98.97
KOVT-DT	53911	BEDSTA20021121ABG	SILVER CITY	D-STA	LIC	1	D/M	N/C	98.97
KOVT-DT	53911	BDSTA20020531ABC	SILVER CITY	D-STA	LIC	1	D/M	N/C	98.97
KPHZ-DT	81458	BPCDT20020306AAT	HOLBROOK	DTV	CP	160	D/M	N/C	42.26
KPNX	35486	BLCT20000711ABX	MESA	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	159
KTNV	123237	BPRM20000418AAE	LAS VEGAS	DIG RULE	LIC	26.4	D/M	N/C	316.97
KTNV-DT	74100	BXPCDT20020805AAI	LAS VEGAS	NTSC	CP	9.55	D/M	N/C	316.97
KTNV-DT	74100	BLCDT20020501AAA	LAS VEGAS	DTV	LIC	16	D/M	N/C	316.97

Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu
179.1	96	83.1	-3	0	6	2	VHI	13 Z	A+1	LR	F(50,50)	56
161.4	96	65.4	-3	0	6	2	VHI	13 -	A+1	LR	F(50,50)	56
365.8	245	120.8	2	6	12	2	VHI	12	Co	LR	F(50,90)	36
365.8	245	120.8	2	6	12	2	VHI	12	Co	LR	F(50,90)	36
365.8	245	120.8	2	6	12	0	VHI	12	Co	LR	F(50,90)	36
365.8	245	120.8	2	6	12	0	VHI	12	Co	LR	F(50,90)	36
143.8	125	18.8	-49	6	12	2	VHI	11	A-1	LR	F(50,90)	36
12.2	273	-260.8	45	0	6	2	VHI	12 -	Co	LR	F(50,50)	56
386.8	245	141.8	2	6	12	2	VHI	12	Co	LR	F(50,90)	36
386.8	273	113.8	45	0	6	2	VHI	12	Co	LR	F(50,50)	56
386.8	245	141.8	2	6	12	2	VHI	12	Co	LR	F(50,90)	36

Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	0.10%	94.60%	2215604	2213834	120570	2095034	94.56
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C

PHOENIX AZ
CHANNEL 13

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing	Dist
KBPX	41517	~~BLCT19920109KG~~	~~FLAGSTAFF~~	~~NTSC~~	~~LIC~~	316	~~D/M~~	~~Interf~~	17.85	179.1
KOLD-TV	48663	BLCT19910423KE	TUCSON	NTSC	LIC	302	D/M	Interf	144.59	161.4
KPNX	35486	BLCT20000711ABX	MESA	NTSC	LIC	316	D/M	Clean	159	12.2
KSWT	33639	BLCT2603	YUMA	NTSC	LIC	316	D/M	Interf	261.21	256
KTNV	~~74100~~	~~BXPCT20020805AAJ~~	~~LAS VEGAS~~	~~AUX~~	~~CP~~	~~67.6~~	~~D/M~~	~~N/C~~	316.97	~~386.8~~
KTNV	74100	BMLCT20020513AAE	LAS VEGAS	NTSC	LIC	316	D/M	N/C	316.97	386.8

Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu	Int Contour
273	-93.9	28	0	6	2	VHI	13 Z	Co	LR	F(50,50)	56	-
273	-111.6	11	0	6	2	VHI	13 -	Co	LR	F(50,50)	56	-
96	-83.8	-3	0	6	2	VHI	12 -	A-1	LR	F(50,50)	56	-
273	-17	11	0	6	2	VHI	13 +	Co	LR	F(50,50)	56	-
273	113.8	11	0	6	2	VHI	13 -	Co	LR	F(50,50)	56	-
273	113.8	11	0	6	2	VHI	13 -	Co	LR	F(50,50)	56	-

Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	80.30%	88.60%	132292	26049	15065	117227	88.61
-	91.70%	94.50%	741195	61533	40476	700719	94.54
-	0.00%	1.00%	2221913	2221913	2200114	21799	0.98
-	99.60%	100.00%	229118	878	101	229017	99.96
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C

PHOENIX AZ
CHANNEL 14

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing
*	0	MEX-ANALOG-ALLOTMENT	MEXICALI	NTSC	RSV	0	D/M	N/C	254.72
960710KT	82591	BPET19960710KT	FLAGSTAFF	NTSC	APP	2880	D/M	N/C	359.71
961001KK	84217	BPET19961001KK	FLAGSTAFF	NTSC	APP	5000	D/M	N/C	17.85
KNXV-TV	59440	BLCT19840113KH	PHOENIX	NTSC	LIC	1070	D/M	Interf	158.77
KPAZ-TV	67868	BLCT19930715KF	PHOENIX	NTSC	LIC	1290	D/M	Interf	158.22
KTTU-TV	11908	BLCT19850108LD	TUCSON	NTSC	LIC	2510	D	Clear	144.59

Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu
328.5	249	79.5	45	0	6	0	UHF	14	Co	LR	F(50,50)	64
140.7	32	108.7	-29	0	6	2	UHF	16	Z T+2	LR	F(50,50)	64
179.1	32	147.1	-29	0	6	2	UHF	16	Z T+2	LR	F(50,50)	64
12.3	88	-75.7	-3	0	6	2	UHF	15	- A+1	LR	F(50,50)	64
12.2	96	-83.8	-30	0	6	2	UHF	21	Z T+7	LR	F(50,50)	64
161.4	32	129.4	-	-	-	2	UHF	18	- T+4	LR	-	-

Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	96.10%	96.10%	2187793	85425	84639	2103154	96.13
-	-	97.50%	97.50%	2187128	54344	54344	2132784	97.52
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C

PHOENIX AZ
CHANNEL 15

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status	Bearing	Dist
960710KT	82591	BPET19960710KT	FLAGSTAFF	NTSC	APP	2880	D/M	N/C	359.71	140.7
961001KK	84217	BPET19961001KK	FLAGSTAFF	NTSC	APP	5000	D/M	N/C	17.85	179.1
KINC	67089	BLCT19960116KE	LAS VEGAS	NTSC	LIC	1120	D/M	N/C	316.98	386.8
KNXV-TV	59440	BLCT19840113KH	PHOENIX	NTSC	LIC	1070	D/M	Interf	158.77	12.3
KTTU-TV	11908	BLCT19850108LD	TUCSON	NTSC	LIC	2510	D/M	N/C	144.59	161.4

Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu	Int Contour
88	52.7	-3	0	6	2	UHF	16 Z	A+1	LR	F(50,50)	64	-
88	91.1	-3	0	6	2	UHF	16 Z	A+1	LR	F(50,50)	64	-
249	137.8	28	0	6	2	UHF	15 +	Co	LR	F(50,50)	64	-
249	-236.7	28	0	6	2	UHF	15 -	Co	LR	F(50,50)	64	-
32	129.4	-34	0	6	2	UHF	18 -	T+3	LR	F(50,50)	64	-

Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	96.10%	99.40%	2187793	85425	13435	2174358	99.39
-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C

PHOENIX AZ
CHANNEL 16

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Type	Status
KPHO-DT	41223	BDSTA20020215ACJ	PHOENIX	D-STA	LIC	300	D/M	Interf
961118KG	84799	BPET19961118KG	NOGALES	NTSC	APP	4680	D/M	Interf
KSAZ-DT	35587	BXPCDT20010730AAQ	PHOENIX	NTSC	CP	87.7	D	Clean
961001KK	84217	BPET19961001KK	FLAGSTAFF	NTSC	APP	5000	D/M	Interf
KNXV-TV	59440	BLCT19840113KH	PHOENIX	NTSC	LIC	1070	D/M	Interf
960710KT	82591	BPET19960710KT	FLAGSTAFF	NTSC	APP	2880	D/M	Interf
KPHO-TV*	41223	DTV ALLOTMENT	PHOENIX	DTV	LIC	1000	D/M	Interf
KPHO-DT	41223	BLCDT20050408ABV	PHOENIX	DTV	LIC	940	D/M	Interf
KPHO-DT	41223	BMPCDT20040721AMJ	PHOENIX	DTV	APP	1000	D/M	Interf
960726KQ	83308	BPET19960726KQ	NOGALES	NTSC	APP	240	D/M	N/C
961119KH	84817	BPET19961119KH	NOGALES	NTSC	APP	794	D/M	N/C
KTTU-TV	11908	BLCT19850108LD	TUCSON	NTSC	LIC	2510	D/M	N/C
KSWT-DT	33639	BMDSTA20020905ABQ	YUMA	D-STA	LIC	50.9	D/M	N/C
KSWT*	33639	DTV ALLOTMENT	YUMA	DTV	LIC	509.7	D/M	N/C
KSWT-DT	33639	BPCDT19991028ABD	YUMA	DTV	CP	196	D/M	N/C
KING-DT	67089	BDSTA20030131AJV	LOS ANGELES	D-STA	LIC	9	D/M	N/C
KINC	67089	BPCDT19991029ACP	LAS VEGAS	DTV	CP	1000	D/M	N/C
KINC*	67089	DTV ALLOTMENT	LAS VEGAS	DTV	LIC	50	D/M	N/C

Bearing	Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Contour	Svc dBu
157.99	12.3	106	-93.7	-48	10	14	0	UHF	17	A+1	LR	F(50,90)	41
149.66	222.3	249	-26.7	28	0	6	2	UHF	16 +	Co	LR	F(50,50)	64
158.22	12.2	120	-107.8	-	-	-	2	UHF	31	T+15	LR	-	-
17.85	179.1	249	-69.9	45	0	6	2	UHF	16 Z	Co	LR	F(50,50)	64
158.77	12.3	88	-75.7	-13	0	6	2	UHF	15 -	A-1	LR	F(50,50)	64
359.71	140.7	249	-108.3	45	0	6	2	UHF	16 Z	Co	LR	F(50,50)	64
157.99	12.3	106	-93.7	-48	10	14	2	UHF	17	A+1	LR	F(50,90)	41
157.99	12.3	106	-93.7	-48	10	14	2	UHF	17	A+1	LR	F(50,90)	41
157.99	12.3	106	-93.7	-48	10	14	2	UHF	17	A+1	LR	F(50,90)	41
154.83	256.6	249	7.6	28	0	6	2	UHF	16 +	Co	LR	F(50,50)	64
154.48	252.7	249	3.7	28	0	6	2	UHF	16 +	Co	LR	F(50,50)	64
144.59	161.4	32	129.4	-29	0	6	2	UHF	18 -	T+2	LR	F(50,50)	64
261.22	256	218	38	2	10	14	0	UHF	16	Co	LR	F(50,90)	41
261.21	256	218	38	2	10	14	2	UHF	16	Co	LR	F(50,90)	41
261.21	256	218	38	2	10	14	2	UHF	16	Co	LR	F(50,90)	41
316.98	386.8	218	168.8	2	10	14	0	UHF	16	Co	LR	F(50,90)	41
316.98	386.9	218	168.9	2	10	14	2	UHF	16	Co	LR	F(50,90)	41
316.98	386.8	218	168.8	2	10	14	2	UHF	16	Co	LR	F(50,90)	41

Int Contour	Int dBu	Old Pop%	New Pop%	Total Pop	Old Pop	New Pop	Ovl Pop	Ovl Pop%
-	-	98.10%	98.10%	2222030	43042	43042	2178988	98.06
-	-	95.90%	96.60%	666909	27446	22643	644266	96.6
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	79.50%	88.10%	124069	25473	14760	109309	88.1
-	-	96.10%	96.10%	2187793	85425	84639	2103154	96.13
-	-	74.80%	87.20%	148574	37384	18950	129624	87.25
-	-	98.00%	98.00%	2235068	45638	45638	2189430	97.96
-	-	97.90%	97.90%	2226846	46650	46650	2180196	97.91
-	-	97.90%	97.90%	2227854	47066	47066	2180788	97.89
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C